TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Phúc

2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

- Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Phượng Tường, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Thái S**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: ấp Bình Long, xã C, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà **Thái Thị R,** sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp Bình Đông B, xã C, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S, bà R có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Thái S trình bày:

Giữa anh và bà Thái Thị R có quen biết với nhau nên ngày 17/9/2021 anh có cho bà R vay số tiền là 100.000.000 đồng, bà R giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 30 diện tích 1727,8m^2 tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre của bà R cho anh để làm tin. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 1,5%/tháng. Khi vay tiền, bà R và anh S ký hợp đồng cầm đồ nội dung thỏa thuận như trên. Việc vay tiền lập hợp đồng cầm đồ là do người nhà của anh có cửa hàng cầm đồ nên hai bên lập hợp đồng theo mẫu sẵn có, thực chất hợp đồng giữa anh và bà R là hợp đồng vay tiền. Sau khi vay tiền thì bà R cũng chưa trả khoản tiền lãi nào cho anh. Đến ngày hẹn trả tiền nợ vay là ngày 17/3/2022 bà R không thực hiện đúng như cam kết là trả khoản tiền 100.000.000 đồng cho anh. Anh đã nhiều lần đến nhà bà R cũng như liên lạc qua điện thoại để yêu cầu bà R trả nợ nhưng bà R cứ hẹn lần hẹn lượt mà không thực hiện. Do bà R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc bà R có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 17/3/2021 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà Thái Thị R trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 17/9/2021 bà có vay của anh S số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay, lãi suất vay như anh S trình bày. Để đảm bảo cho việc vay tiền thì bà có đưa cho anh S giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Bà vay tiền để đưa cho con của bà làm ăn. Trong thời gian vay tiền thì do bà đi xa làm lâu lâu mới về nhà, việc trả lãi do con của bà thực hiện nên bà không xác định được có trả lãi cho anh S như thỏa thuận hay không. Nay theo yêu cầu của anh S thì bà đồng ý trả cho anh S số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh S, tuy nhiên do hiện tại bà không có khả năng trả tiền cho anh S nên bà xin đến tháng 03/2023 sẽ hoàn trả hết số tiền vốn vay là tiền lãi cho anh S.

Tại phiên tòa:

Anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà R trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 17/9/2021 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm. Đối với yêu cầu của bà R là đến tháng 3/2023 sẽ trả vốn vay và tiền lãi cho anh thì anh không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Do quen biết nên vào ngày 17/9/2021 anh Lê Thái S có cho bà Thái Thị R vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Để đảm bảo cho khoản tiền vay bà R có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S cất giữ. Khi vay tiền giữa anh S và bà R có lập một Hợp đồng cầm đồ có thể hiện nội dung thỏa thuận như trên. Anh S cho rằng việc hai bên lập Hợp đồng cầm đồ là do người nhà anh S có Cửa hàng cầm đồ nên sử dụng biểu mẫu săn có nhưng thực tế anh S cho bà R vay tiền, bà R đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R cho anh giữ để làm tin. Anh S và bà R có thỏa thuận khi đến thời hạn trả khoản tiền vay (ngày 17/3/2022) thì bà R hoàn trả đầy đủ tiền vốn vay và tiền lãi cho anh S thì anh S sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho bà R. Trong quá trình vay tiền bà R cũng không thực hiện việc đóng lãi cho anh S. Đến thời hạn trả tiền nhưng bà R không thực hiện trả nợ đúng như thỏa thuận nên anh S khởi kiện yêu cầu bà R trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay với mức lãi suất 1,5%/ tháng từ ngày 17/9/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R hiện anh S đang giữ thì anh đồng ý giao lại cho bà R.

Bà R thừa nhận có vay của anh S số tiền 100.000.000 đồng và đồng ý trả cho anh S số tiền này nhưng xin đến tháng 3/2023 sẽ trả tất nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù việc vay tiền giữ anh S và bà R không lập hợp đồng vay tiền mà là hợp đồng cầm đồ, tuy nhiên, bản chất là giữa hai bên có thỏa thuận việc anh S cho bà R vay số tiền 100.000.000 đồng và bà R giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Sang giữ để đảm bảo cho việc vay tiền. Ngoài

ra hợp đồng cũng thể hiện nội dung hai bên thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả tiền.

Tại phiên tòa, bà R thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền cho anh S. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, việc vay tiền giữa anh S và bà R là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi suất và có sự ràng buộc nghĩa vụ giữa các bên. Phía bà R đã nhận đủ số tiền vay của anh S, có ký tên xác nhận nợ và hẹn trả nợ nhưng đến thời hạn trả nợ thì bà R không thực hiện đúng như thỏa thuận. Xét thấy bà R đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh S nên anh S có yêu cầu bà R có nghĩa vụ trả cho anh S số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng có căn cứ nên được chấp nhận.

[2]. Về lãi suất: Anh S yêu cầu tính lãi của số tiền vốn vay với mức lãi suất 1,5%/ tháng từ ngày 17/9/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Theo hợp đồng có thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng nên đây là hợp đồng vay có lãi suất. Xét thấy, do bà R đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với khoản vay với mức lãi suất 1,5%tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng 12 ngày = 18.600.000 đồng.

Từ những phân tích trên, anh Lê Thái S khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị R có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Buộc bà Thái Thị R có nghĩa vụ trả cho anh Lê Thái S số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và 18.600.000 (mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 118.600.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu được trả tiền vốn và lãi vào tháng 3/2023 của bà R không được anh S đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Ghi nhận việc anh S tự nguyện giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp ngày 20/9/2006 cho bà Thái Thị R.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu của anh S được chấp nhận nên bà R phải chịu án phí là 5.930.000 đồng [(100.000.000 đồng + 18.600.000 đồng) x 5% = 5.930.000 đồng].

Anh S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh S số toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Thái S đối với bị đơn là bà Thái Thị R về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Thái Thị R có nghĩa vụ trả cho anh Lê Thái S số tiền vốn vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và 18.600.000 (mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 118.600.000 (một trăm mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận việc anh S tự nguyện giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp ngày 20/9/2006 cho bà Thái Thị R.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.930.000 (năm triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Anh Lê Thái S không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007297 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hồng Đang